

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2017/HSST
Ngày: 14-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính

2. Bà Hà Thị Mai Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2017/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trương Ngọc Nh, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: nguyên làm bảo vệ; trình độ học vấn: 6/12; con ông Trương Ngọc Th, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1966; có vợ là Nguyễn Thu Ph, sinh năm 1989 và 01 người con, sinh năm 2016, tiền sự: không; tiền án: không.

Về nhân thân: Ngày 07/9/2010, Trương Ngọc Nh bị Công an xã L, huyện C xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong; Ngày 18/11/2011, Trương Ngọc Nh bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 87/2011/HSST; Ngày 12/3/2012, Trương Ngọc Nh bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 01 năm 03 tháng tù, theo bản án số 25/2012/HSST. Tổng hợp hai bản án buộc bị cáo Nh chấp hành hình phạt chung là 02 năm 03 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/10/2013 và chấp hành xong phần dân sự vào ngày 14/2/2012, ngày 30/8/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Ông Phan Văn V, sinh năm 1964, cư trú tại: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của ông Phan Văn V: Bà Đào Thị Mộng Th, sinh năm 1966, cư trú tại: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1991, cư trú tại: 20/11 Đường 107, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Đào Thị Mộng Th, sinh năm 1966, cư trú tại: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: 1079 Lò Gốm, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: 630 Hưng Phú, Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1966, cư trú tại: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lê Minh V, sinh năm 1988, cư trú tại: ấp 4, xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, có mặt.

- Bà Trương Kim Ch, sinh năm 1959, cư trú tại: ấp 4, xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967, vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1974, vắng mặt

Cùng cư trú tại: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án đã được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 24/7/2016, Trương Ngọc Nh gặp ông Phan Văn V ở đám cưới nhà người quen tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An. Sau đó, Nh rủ ông V về nhà Nh uống rượu thì ông V đồng ý. Ông V dẫn xe mô tô hiệu Exciter, biển số 62M1 - 11094 ra thì Nh leo lên xe của ông V ngồi và kêu ông V lên xe để Nh chở. Khi về đến nhà, Nh đậu xe trước cửa rút chìa khóa cất giữ rồi cùng ông V uống bia. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Nh rủ ông V đến quán Karaoke 345 thuộc ấp 4, xã L, huyện C để uống bia và Nh điều khiển xe mô tô biển số 62M1 - 110.94 chở ông V đi. Khi đến quán Nh dựng xe của ông V ở bên ngoài nhà xe rồi cùng ông V vào phòng hát karaoke uống bia. Trong lúc hai người đang uống bia thì vợ ông V nhiều lần gọi điện thoại kêu ông V về nên ông V yêu cầu Nh trả chìa khóa xe để đi về, nhưng Nh không trả mà còn lấy điện thoại của ông V tắt nguồn bỏ vào túi quần mình. Do không đòi được chìa khóa xe nên ông V đi ra ngoài chỗ đậu xe đẩy xe của mình quay đầu ra hướng Quốc lộ 50 để dẫn bộ về, khi ông V vừa quay đầu xe thì Nh từ phía sau đi đến leo lên xe ngồi và cắm chìa khóa vào ổ khóa, đồng thời dùng tay gạt ông V ra khỏi xe và đề máy thì ông V dùng tay nắm ba ga xe kéo lại nhưng Nh vẫn điều khiển xe tẩu thoát đến khu vực Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người không rõ lai lịch được 8.500.000 đồng. Đến ngày 17/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc mời Nh làm việc thì Nh đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 41/KLĐG ngày 10/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Giuộc, xác định: 01 xe mô tô biển số 62M1 - 110.94, hiệu Exciter, có giá trị 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, vào khoảng 13 giờ ngày 31/12/2016, trong lúc bị cáo Trương Ngọc Nh và anh Nguyễn Thành L cùng ngồi uống cà phê tại quán của chị Nguyễn Thị Cẩm V, địa chỉ ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An thì Nh nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh L. Sau đó, Nh giả vờ hỏi mượn xe mô tô hiệu Air blade, biển số 59L2-224.10 của anh L để đi công việc thì anh L đồng ý. Khi anh L giao xe cho Nh thì Nh điều khiển xe của anh L đến khu vực

đường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người không rõ lai lịch được số tiền 11.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 92/KLĐG ngày 20/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cần Giuộc, xác định: 01 xe mô tô, hiệu Air blade biển số 59L2 - 224.10, có giá trị 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Về vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 62M1 - 110.94 và 01 xe mô tô, hiệu Air blade biển số 59L2 - 224.10 là vật chứng trong vụ án. Bị cáo Nh đã bán cho hai người đàn ông không rõ địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Riêng đối với chiếc điện thoại Viettel của ông V mà bị cáo Nh cất giữ trong lúc hai người cùng uống bia, bị cáo Nh đã làm rơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trương Ngọc Nh khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã truy tố. Bị cáo Nh đồng ý bồi thường tiếp cho ông V số tiền 15.000.000 đồng và bồi thường tiếp cho anh L số tiền 26.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 89/QĐ-KSĐT ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Trương Ngọc Nh về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trương Ngọc Nh đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại và mẹ bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 136; khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trương Ngọc Nh từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nh phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

Đối với hành vi của bị cáo Nh cất giữ điện thoại Viettel của ông V không nhằm mục đích chiếm đoạt mà chỉ nhằm mục đích để ông V không nghe điện thoại trong lúc nhậu, khi Nh cất giữ chiếc điện thoại trên thì ông V không có ý kiến gì. Ông V và bà Đoàn Thị Mộng Th (vợ ông V) không yêu cầu bồi thường nên không xét đến.

Đối với hai người đàn ông mua xe mô tô biển số 62M1-110.94 và xe mô tô biển số 59L2 - 224.10 do bị cáo Nh chiếm đoạt mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc không xác minh được tên tuổi, địa chỉ nên tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Về dân sự: Ông Phan Văn V và bà Đào Thị Mộng Th yêu cầu bị cáo Nh bồi thường số tiền 23.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thành L yêu cầu bị cáo Nh bồi thường số tiền 34.000.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị Bé T (mẹ ruột của bị cáo Nh) đã bồi thường cho ông V (do bà Th đại diện) và anh L mỗi người 8.000.000 đồng, nên ông V, bà Thúy yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp cho V 15.000.000 đồng, anh L yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 26.000.000

đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nh cũng đồng ý bồi thường. Yêu cầu của ông V và anh L là có cơ sở nên chấp nhận. Buộc bị cáo Nh bồi thường tiếp cho ông V số tiền 15.000.000 đồng và bồi thường tiếp cho anh L số tiền 26.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 62M1 - 110.94 và 01 xe mô tô hiệu Air blade biển số 59L2 - 224.10 là vật chứng trong vụ án. Bị cáo Nh đã bán cho hai người đàn ông không rõ địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được; 01 chiếc điện thoại Viettel của ông V mà bị cáo Nh cất giữ trong lúc hai người cùng uống bia, bị cáo Nh đã làm rơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Bị cáo đồng ý tội danh và điều khoản của luật áp dụng như Viện kiểm sát đã đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo biết lỗi, kính mong Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình và lo đi làm kiếm tiền bồi thường cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Ngọc Nh khai nhận: Khoảng 13 ngày 24/7/2016, bị cáo Nh rủ ông Phan Văn V đến quán Karaoke 345 thuộc ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An để nhậu thì ông V đồng ý. Sau đó, Nh điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 62M1 - 110.94 của ông V chở ông V đi. Khi đến quán Nh dựng xe của ông V ở bên ngoài nhà xe và cất giữ chìa khóa rồi cùng ông V vào phòng karaoke uống bia. Trong lúc hai người uống bia thì ông V nhiều lần yêu cầu bị cáo Nh trả chìa khóa xe để ông V đi về nhưng Nh không trả nên ông V đi ra chỗ đậu xe đẩy xe của mình quay đầu ra hướng Quốc lộ 50 để dẫn bộ về. Khi ông V vừa quay đầu xe thì Nh từ phía sau đi đến leo lên xe ngồi và gắn chìa khóa vào ổ khóa, Nh dùng tay gạt ông V ra khỏi xe và nổ máy thì ông V dùng tay nắm ba ga xe kéo lại nhưng Nh vẫn điều khiển xe 62M1 - 110.94 có giá trị 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) của ông V tẩu thoát đến khu vực Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người không rõ lai lịch được số tiền 8.500.000 đồng. Đối với điện thoại di động Viettel của ông V là do trong lúc nhậu, vợ ông V nhiều lần gọi điện cho ông V nên bị cáo lấy tắt nguồn và bỏ vào túi quần của bị cáo, ông V không có ý kiến và cũng không đòi điện thoại, nhưng bị cáo quên trả lại cho ông V và sau đó đã làm rơi mất, bị cáo không có mục đích chiếm đoạt điện thoại của ông V. Ngoài ra, vào khoảng 13 giờ ngày 31/12/2016, bị cáo Nh ngồi uống cà phê cùng với anh Nguyễn Thành L tại quán của chị Nguyễn Thị Cẩm V ở ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An thì bị cáo Nh giả vờ hỏi mượn xe mô tô biển số 59L2-224.10 có giá trị 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) của anh L để đi công việc. Sau đó, Nh điều khiển xe của anh L đến khu vực đường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người không rõ lai lịch được số tiền 11.500.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo Nh là hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận rằng:

Vào ngày 24/7/2016 bị cáo Trương Ngọc Nh có hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Exciter biển số 62M1 - 110.94, có giá trị 23.000.000 đồng của ông Phan Văn V bằng thủ đoạn công khai, nhanh chóng giành, giật lấy xe mô tô từ tay ông V khi ông V đang đẩy xe từ chỗ đậu xe ở quán karaoke để dẫn bộ về nhà, rồi bị cáo Nh điều khiển xe tẩu thoát và đem đi bán. Hành vi của bị cáo Nh đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Vào ngày 31/12/2016 bị cáo Trương Ngọc Nh có hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Air blade biển số 59L2 - 224.10, có giá trị 34.000.000 đồng của anh Nguyễn Thành L bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả là mượn xe anh L đi công việc, làm cho anh L tin đó là sự thật nên giao xe cho bị cáo Nh, rồi bị cáo Nh điều khiển xe đem đi bán. Hành vi của bị cáo Nh đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nh là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe nhưng bị cáo không lo lao động để đáp ứng nhu cầu cá nhân mà bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo phải xử lý nghiêm minh và cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại và mẹ của bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại (8.000.000 đồng/người bị hại) là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

Đối với hành vi của bị cáo Nh cất giữ điện thoại Viettel của ông V không nhằm mục đích chiếm đoạt mà chỉ nhằm mục đích để ông V không nghe điện thoại trong lúc nhậu, khi Nh cất giữ chiếc điện thoại trên thì ông V cũng không có ý kiến gì. Đồng thời, tại phiên tòa, ông V và bà Th trình bày khi bị cáo Nh lấy điện thoại của ông V tắt nguồn và cất vào túi của Nh, thì ông V không có ý kiến gì, sau đó ông V cũng không yêu cầu bị cáo Nh trả lại điện thoại. Nay ông V, bà Th không yêu cầu bị cáo Nh bồi thường điện thoại, nên không xét đến.

Đối với hai người đàn ông mua xe mô tô biển số 62M1-110.94 và xe mô tô biển số 59L2 - 224.10 do Nh chiếm đoạt mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc không xác minh được tên tuổi, địa chỉ nên tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Về dân sự: Ông Phan Văn V và bà Đào Thị Mộng Th yêu cầu bị cáo Nh bồi thường cho ông V giá trị của xe mô tô hiệu Exciter biển số 62M1 - 110.94 với số tiền là 23.000.000 đồng, do mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị Bé T đã bồi thường 8.000.000 đồng nên ông V, bà

Th yêu cầu bị cáo Nh phải bồi thường tiếp cho V số tiền 15.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thành L yêu cầu bị cáo Nh bồi thường giá trị của xe mô tô hiệu Air blade biển số 59L2 - 224.10 với số tiền là 34.000.000 đồng, do mẹ của bị cáo Nh là bà T đã bồi thường 8.000.000 đồng nên anh L yêu cầu bị cáo Nh phải bồi thường tiếp 26.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nh cũng đồng ý bồi thường cho ông V, anh L. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 các Điều 584, 585, 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Kết luận định giá tài sản số 41/KLĐG ngày 10/3/2017, số 92/KLĐG ngày 20/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cần Giuộc, xét thấy yêu cầu bồi thường của các bị hại là có cơ sở nên chấp nhận. Buộc bị cáo Nh phải bồi thường tiếp cho ông V số tiền 15.000.000 đồng và phải bồi thường tiếp cho anh L số tiền 26.000.000 đồng.

Đối với giao dịch dân sự giữa anh Nguyễn Thành L với ông Lê Hoàng V về xe mô tô hiệu Air blade biển số 59L2 - 224.10, là xe mà bị cáo Nh đã chiếm đoạt từ anh Nguyễn Thành L (ông Lê Hoàng V đứng tên chủ xe, anh L sử dụng thông qua hợp đồng thuê xe), trường hợp sau này giữa ông V và anh L có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 62M1 - 110.94 và 01 xe mô tô hiệu Air blade biển số 59L2 - 224.10 là vật chứng trong vụ án. Bị cáo Nh đã bán cho hai người đàn ông không rõ địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được; 01 chiếc điện thoại Viettel mà bị cáo Nh cất giữ của ông V, trong lúc hai người cùng uống bia, bị cáo Nh đã làm rơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Án phí: Bị cáo Trương Ngọc Nh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Ngọc Nh phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 136; khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trương Ngọc Nh 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trương Ngọc Nh phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/7/2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Ngọc Nh 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/12/2017) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 1 các Điều 584, 585, 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trương Ngọc Nh phải bồi thường tiếp cho ông Phan Văn V số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Thành L số tiền là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trương Ngọc Nh phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Nguyễn Thành L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Công an huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Minh Hiệp